

Số: 3033/QĐ-UBND

Nậm Pồ, ngày 24 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM PỒ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;
Căn cứ Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2019;
Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện Nậm Pồ về việc dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2019 cho cơ quan Đảng, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị thuộc huyện và UBND các xã.

(Chi tiết như biểu kèm theo)

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi được giao (đã bao gồm tiền lương và các chế độ phụ cấp theo mức lương cơ sở 1.390.000 đồng/tháng). Cơ quan Đảng, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị và UBND các xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng Luật Ngân sách và các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện; Chỉ cục trưởng Chi cục thuế huyện; Thủ trưởng cơ quan Đảng, đoàn thể, các cơ quan đơn vị thuộc huyện; Chủ tịch UBND các xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính; (b/c)
- TT Huyện ủy;
- Lãnh đạo HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ban KT - XH huyện;
- Lưu: VT, TCKH (05b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thái

BIỂU TỔNG HỢP THU CHI NSDP NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Dự toán 2019	Ghi chú
A	TỔNG THU NS HUYỆN	594.251	
I	Thu ngân sách trên địa bàn	6.500	
*	Thu ngân sách huyện hưởng	6.450	
II	Thu bổ sung	587.801	
1	Bổ sung cân đối	435.540	
2	Bổ sung để thực hiện CCTL theo quy định hiện hành	27.664	
-	BS để thực hiện tiền lương cơ sở tăng thêm 1.390.000 đồng	27.664	
3	Bổ sung có mục tiêu	124.597	
	- BS thực hiện 02 chương trình MTQG	123.938	
	- BS thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ khác	659	
B	TỔNG CHI NS HUYỆN	594.251	
BI	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	469.654	
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	900	
1	Chi XDCB tập trung		
	T.đó: + Chi CT PTKTXHVC		
2	Chi từ nguồn đấu giá đất	900	
3	ĐT từ nguồn vay KCH kênh mương		
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	454.307	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	30.375	
*	SN Nông nghiệp	9.299	
	Trong đó:		
	+ Chi HT SXNN	800	
	+ HT cán bộ thú y xã	710	
	+ HT khuyến nông xã, thôn, bản	1.533	
	+ Kinh phí hỗ trợ thực hiện đón và trao trả dân di cư tự do trên địa bàn huyện Nậm Pồ	100	
	+ Các hoạt động khuyến nông, khuyến ngư	1.530	
	+ Chi hỗ trợ địa phương đất trồng lúa theo ND 35	4.626	
*	SN giao thông	5.000	
*	SN Thủy lợi	321	
	Tr.đó: Miễn thủy lợi phí	321	
*	SN kinh tế khác	15.755	
	Tr.đó: - Vp đăng ký quyền sử dụng đất	727	
	- Tổ chức phát triển quỹ đất	528	
	- Lập KH SDĐ năm 2017		
	- Trụ sở BQLDA		
	- Giao các xã đầu năm		
-	Quy hoạch, quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận QSD đất	100	
-	Các hoạt động kinh tế	14.400	
2	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	297.745	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục	294.715	
	Trong đó:		
-	Hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ 3 - 5 tuổi	6.077	

TT	Nội dung	Dự toán 2019	Ghi chú
	Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thông đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP	39.765	
-	Hỗ trợ thực hiện chính sách theo NĐ 86/2015/NĐ-CP	12.234	
	+ Hỗ trợ chi phí học tập	10.873	
	+ Cấp bù miễn giảm học phí	1.361	
-	Hỗ trợ HSDT rất ít người QĐ 2123	626	
-	Chính sách giáo dục với người khuyết tật	921	
-	Mua sắm tài sản các trường	15.000	
-	Sửa chữa trường học	3.000	
-	Quỹ thi đua khen thưởng	1.200	
2.2	Chi sự nghiệp đào tạo	3.030	
	- Hỗ trợ TH chính sách theo NĐ 85/2015		
3	Chi sự nghiệp y tế	200	
4	Chi sự nghiệp Văn hoá TT	3.369	
	- SNVH - phòng văn hóa	1.727	
	- Giao đầu năm các xã	1.110	
	- Thực hiện nhiệm vụ khác	532	
5	Chi sự nghiệp TĐTT	1.400	
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	2.170	
	- Giao đầu năm Đài TTTH	1.734	
	- Thực hiện nhiệm vụ phát sinh (Lắp đặt thiết bị Đài truyền thanh FM tại xã Pa Tân; Tăng hệ số lương; ...)	436	
7	Chi đảm bảo xã hội	8.764	
	KP tăng thực hiện Luật NCT, Luật NKT và chính sách đối với đối tượng BTXH	4.234	
	+ Trợ cấp hàng tháng	3.914	
	+ Mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ	320	
	- Kinh phí thực hiện QĐ 18 (Người có uy tín)	66	
	- Hỗ trợ hộ nghèo tiền điện	3.964	
	- Hỗ trợ người nghèo vùng khó khăn theo QĐ 102		
	- Hỗ trợ đội xuất	500	
8	Chi quản lý hành chính	87.565	
9	Chi an ninh, quốc phòng	15.468	
*	An ninh	4.389	
	- Công an huyện	800	
	- Tòa án nhân dân huyện	40	
	- Hỗ trợ Công an huyện mua sắm, lắp đặt Thang máy tải trọng 450 kg, 05 điểm dừng tại hạng mục công trình Nhà làm việc 05 tầng tại cơ sở làm việc Công an huyện Nậm Pồ		
	- An ninh xã	2.980	
	- Thực hiện nhiệm vụ phát sinh (Diễn tập khu vực phòng thủ; Công tác an ninh trật tự khác...)	569	
	Quốc phòng	11.079	
	- Ban chỉ huy quân sự huyện	1.878	
	- Hỗ trợ 05 đồn biên phòng	200	
	- Hỗ trợ đồn biên phòng Nà Hỳ - Kỷ niệm 60 năm ngày truyền thống Bộ đội Biên phòng (03/3/1959 - 03/3/2019) và 30 năm Ngày biên phòng toàn dân (03/3/1989 - 03/3/2019)	70	
	- Diễn tập KVPT năm 2019	2.000	
	- Quân sự xã	1.389	

TT	Nội dung	Dự toán 2019	Ghi chú
	- Phụ cấp DQTV xã		
	- Huấn luyện DQTV xã	2.402	
	- Thực hiện nhiệm vụ phát sinh (Bổ sung tăng kinh phí Diễn tập khu vực phòng thủ; Công tác quốc phòng khác,...)	1.314	
		1.826	
10	Chi sự nghiệp môi trường	700	
11	Chi SN khoa học công nghệ	193	
12	Chi khác	6.358	
III	10% tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện CCTL	5.259	
1	Sự nghiệp giáo dục	3.799	
2	Sự nghiệp đào tạo	15	
3	Khối QLHC, các đơn vị sự nghiệp, UBND các xã	1.445	
IV	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên để thực hiện CCTL	520	
1	Sự nghiệp giáo dục	350	
2	Khối QLHC, các đơn vị sự nghiệp, UBND các xã	170	
V	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	8.668	
B2	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	123.938	
I	Chương trình giảm nghèo bền vững	79.443	
1	Chương trình 30a	61.493	
*	Vốn đầu tư	50.050	
	+ Đầu tư cơ sở hạ tầng		
	+ Hỗ trợ sản xuất tạo việc làm tăng thu nhập		
*	Vốn sự nghiệp	11.443	
-	Duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư	1.969	
-	Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo	9.004	
+	Chăm sóc, giao khoán, bảo vệ rừng		
+	Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế	7.203	
+	Nhân rộng mô hình giảm nghèo	1.801	
-	Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo hộ đồng bào DTTS đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài	470	
2	Chương trình 135	17.755	
*	Vốn đầu tư	13.279	
-	XD CSHT các xã ĐBK, xã biên giới, thôn ĐBK	13.279	
*	Vốn sự nghiệp	4.476	
-	Duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư	953	
-	Hỗ trợ PTSX đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo	3.523	
+	Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế	2.653	
+	Nhân rộng mô hình giảm nghèo	870	
3	Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở		
4	Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	90	
-	Truyền thông về giảm nghèo	30,0	
-	Giảm nghèo về thông tin	60,0	
5	Nâng cao năng lực và GS, đánh giá thực hiện Chương trình	105	
-	Giám sát đánh giá	105	
II	CT xây dựng nông thôn mới	44.495	
1	Vốn đầu tư	36.184	
2	Vốn sự nghiệp	8.311	
-	Hỗ trợ trực tiếp cho các xã	7.987	
	Trong đó: Đề án 29 xã biên giới		
-	Ưu tiên phân bổ cho xã phân đầu đạt chuẩn NTM		

[Signature]

TT	Nội dung	Dự toán 2019	Ghi chú
-	Chi phí Ban quản lý dự án, Ban chỉ đạo	324	
-	Đào tạo nghề lao động nông thôn		
	<i>Trong đó: Đề án 29 xã biên giới</i>		
B3	CHI TH MỘT SỐ MT, NH.VỤ VÀ CÁC CTMT	659,0	
I	Vốn đầu tư		
1	Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở		
II	Chi từ nguồn hỗ trợ vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ , chính sách theo quy định và một số Chương trình mục tiêu	659,0	
1	Chương trình đảm bảo trật tự ATGT, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy	139,0	
-	Phòng chống Ma túy	119,0	
-	Phòng chống Tội phạm	20,0	
2	Kinh phí thực hiện đảm bảo trật tự an toàn giao thông	26,0	
3	CT mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	400,0	
-	Hỗ trợ di chuyển, sắp xếp ổn định dân cư xen ghép vùng có nguy cơ thiên tai cao trên địa bàn huyện		
-	Hỗ trợ ổn định đời sống theo Quyết định 1776	400,0	
4	Chương trình mục tiêu trợ giúp xã hội	74,0	
-	Dự án phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em	64,0	
-	Dự án hỗ trợ mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới	10,0	
5	Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – việc làm và an toàn lao động	20,0	
-	Dự án phát triển thị trường lao động và việc làm	20,0	

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Văn phòng HĐND - UBND huyện Nậm Pồ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
Tổng cộng					7.544,0
I	Quản lý nhà nước	605	340	341	7.244,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				6.252,7
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				80,0
3	Kinh phí không thực hiện tự chủ				911,3
-	Xây dựng hệ thống Quản lý văn bản, hồ sơ công việc cho 15 xã của huyện, có thể liên thông được tới cấp huyện, cấp tỉnh				800,0
-	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn				111,3
	<i>Tr.đó: Mua sắm tập trung</i>				15,0
II	Hoạt động của các tổ chức xã hội	605	340	362	100,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				100,0
-	Hoạt động của Hội chữ thập đỏ				100,0
III	Sự nghiệp Văn hoá thông tin	605	160	171	200,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				200,0
-	Kinh phí duy trì hoạt động cổng, trang thông tin điện tử huyện Nậm Pồ; Tuyên truyền trên báo đài				200,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp, Kinh phí HĐND, kinh phí phục vụ công tác tiếp công dân, kinh phí hỗ trợ công tác dân quân tự vệ khối HĐND - UBND huyện, kinh phí hoạt động mang tính đặc thù của đơn vị và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

- Kinh phí Quản lý nhà nước đã bao gồm: kinh phí bảo trì phần mềm kế toán, gia hạn phần mềm quản lý tài sản.

- Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/12 tháng)

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Nậm Pồ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
Tổng cộng					1.761,0
I	Quản lý nhà nước	612	340	341	1.261,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				1.236,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				25,0
II	Các hoạt động kinh tế	612	280	285	100,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				100,0
-	Kinh phí hỗ trợ thực hiện đón và trao trả dân di cư tự do trên địa bàn huyện Nậm Pồ				100,0
III	Chi thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và các chương trình mục tiêu	612	280	285	400,0
1	Kinh phí không thực hiện tự chủ				400,0
*	CT mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư				400,0
-	Hỗ trợ ổn định đời sống theo Quyết định 1776				400,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp, các hoạt động mang tính đặc thù của đơn vị và các chế độ khác theo quy định hiện hành

- Kinh phí Quản lý nhà nước đã bao gồm: kinh phí bảo trì phần mềm kế toán, gia hạn phần mềm quản lý tài sản, kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp phát triển KTXH.

- Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/12 tháng)

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Phòng Tư Pháp huyện Nậm pồ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
I	Quản lý nhà nước	614	340	341	740,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				735,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				5,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng, kinh phí tuyên truyền phổ biến pháp luật, Kinh phí thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật và các khoản đóng góp, các hoạt động mang tính đặc thù của đơn vị và các chế độ khác theo quy định hiện hành

- Kinh phí Quản lý nhà nước đã bao gồm: kinh phí bảo trì phần mềm kế toán, gia hạn phần mềm quản lý tài sản.

- Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/12 tháng)

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Nậm Pồ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
I	Quản lý nhà nước	618	340	341	1.575,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				1.550,0
2	KP tiết kiệm thực hiện CCTL				25,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng, kinh phí mua sắm tài sản, kinh phí mua sắm phần mềm quyết toán 8.0, kinh phí mua sắm bức tường lửa hệ thống mạng nội bộ tabmis và các khoản đóng góp, các hoạt động mang tính đặc thù của đơn vị và các chế độ khác theo quy định hiện hành

- Kinh phí Quản lý nhà nước đã bao gồm: kinh phí bảo trì phần mềm kế toán, gia hạn phần mềm quản lý tài sản, kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp phát triển KTXH.

- Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/12 tháng)

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Nậm Pồ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
	Tổng cộng				1.210,0
I	Quản lý nhà nước	620	340	341	1.043,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				1.023,0
	Trong đó: - Kinh phí ban an toàn giao thông				150,0
2	KP tiết kiệm thực hiện CCTL				20,0
II	Khoa học công nghệ	620	100	103	167,0
1	Kinh phí không thực hiện tự chủ				167,0
-	Chi khoa học công nghệ				167,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp, các hoạt động mang tính đặc thù của đơn vị và các chế độ khác theo quy định hiện hành

- Kinh phí Quản lý nhà nước đã bao gồm: kinh phí bảo trì phần mềm kế toán, gia hạn phần mềm quản lý tài sản, kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp phát triển KTXH.

- Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/12 tháng)

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3053/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Nậm Pồ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
	Tổng cộng				298.658,0
I	Quản lý nhà nước	622	340	341	1.474,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				1.454,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				20,0
II	Sự nghiệp giáo dục				297.184,0
	Trong đó:				
-	Hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ 3 - 5 tuổi				6.077
-	Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016				39.765
-	Hỗ trợ thực hiện chính sách theo ND 86/2015/NĐ-CP				12.104
	+ Hỗ trợ chi phí học tập				10.873
	+ Cấp bù miễn giảm học phí				1.231
-	Hỗ trợ HSDT rất ít người QĐ 2123				626
-	Chính sách giáo dục với người khuyết tật				921
-	Mua sắm tài sản các trường				15.000
-	Sửa chữa trường học				3.000
-	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				3.799

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp, các hoạt động mang tính đặc thù của đơn vị và các chế độ khác theo quy định hiện hành

- Kinh phí Quản lý nhà nước đã bao gồm: kinh phí bảo trì phần mềm kế toán, gia hạn phần mềm quản lý tài sản, kinh phí gia hạn phần mềm quản lý cán bộ công chức, kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp phát triển KTXH.

- Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/12 tháng)

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Phòng Y tế huyện Nậm Pồ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
Tổng cộng					885,0
I	Quản lý nhà nước	623	340	341	885,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				875,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				10,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng, kinh phí khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ công an quân sự năm 2020, kinh phí hỗ trợ công tác tuyên truyền và các khoản đóng góp, các hoạt động mang tính đặc thù của đơn vị và các chế độ khác theo quy định hiện hành

- Kinh phí Quản lý nhà nước đã bao gồm: kinh phí bảo trì phần mềm kế toán, gia hạn phần mềm quản lý tài sản, kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp phát triển KTXH.

- Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/12 tháng)

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Phòng Lao động Thương binh và XH huyện Nậm Pồ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
	Tổng cộng				6.048,0
I	Quản lý nhà nước	624	340	341	1.070,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				1.040,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				30,0
II	Hoạt động của các tổ chức xã hội	624	340	362	120,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				120,0
-	Hoạt động của Hội người cao tuổi				120,0
III	Đảm bảo xã hội	624	370	398	4.634,0
1	Kinh phí thực hiện chính sách				4.634,0
*	Kinh phí thực hiện chính sách BTXH theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP				4.234,0
-	Trợ cấp hàng tháng				3.914,0
-	Mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội				320,0
*	Kinh phí hỗ trợ đột xuất				400,0
IV	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	624	070	083	130,0
1	Kinh phí không thực hiện tự chủ				130,0
*	Hỗ trợ thực hiện chính sách theo NĐ 86/2015/NĐ-CP				130,0
-	Cấp bù miễn giảm học phí				130,0
V	Chi thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và các chương trình mục tiêu				94,0
1	Kinh phí không thực hiện tự chủ				94,0
*	Chương trình mục tiêu trợ giúp xã hội	624	370	372	74,0
-	Dự án phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em				64,0
-	Dự án hỗ trợ mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới				10,0
*	Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – việc làm và an toàn lao động	624	070	098	20,0
-	Dự án phát triển thị trường lao động và việc làm				20,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng, Kinh phí tổ chức rà soát, kinh phí tổng hợp hộ nghèo hộ cận nghèo số tiền 80 triệu đồng và các khoản đóng góp, các hoạt động mang tính đặc thù của đơn vị và các chế độ khác theo quy định hiện hành

- Kinh phí Quản lý nhà nước đã bao gồm: kinh phí bảo trì phần mềm kế toán, gia hạn phần mềm quản lý tài sản, kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp phát triển KTXH.

- Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/12 tháng)

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Phòng Văn hoá và thông tin huyện Nậm Pồ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
	Tổng cộng				2.833,0
I	Quản lý nhà nước	625	340	341	518,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				513,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				5,0
II	Sự nghiệp Văn hoá thông tin	625	160	161	1.762,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				1.242,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				20,0
3	Kinh phí không thực hiện tự chủ				500,0
	Tr.đó: Mua sắm tập trung				15,0
III	Sự nghiệp thể dục thể thao	625	220	221	553,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				348,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				5,0
3	Kinh phí không thực hiện tự chủ				200,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp, Kinh phí tuyên truyền văn hóa - thông tin, thể dục thể thao các hoạt động mang tính đặc thù của đơn vị và các chế độ khác theo quy định hiện hành

- Kinh phí Quản lý nhà nước đã bao gồm: kinh phí bảo trì phần mềm kế toán, gia hạn phần mềm quản lý tài sản, kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp phát triển KTXH.

- Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/12 tháng)

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện Nậm Pồ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
	Tổng cộng				1.642,0
I	Quản lý nhà nước	626	340	341	892,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				862,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				30,0
II	Sự nghiệp Môi trường	626	250	261	650,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				650,0
II	Các hoạt động kinh tế	626	280	332	100,0
1	Kinh phí không thực hiện tự chủ				100,0
-	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Nậm Pồ tỉnh Điện Biên				100,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp, các hoạt động mang tính đặc thù của đơn vị và các chế độ khác theo quy định hiện hành

- Kinh phí Quản lý nhà nước đã bao gồm: kinh phí bảo trì phần mềm kế toán, gia hạn phần mềm quản lý tài sản.

- Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/12 tháng)

GIAO DƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Phòng Nội vụ huyện Nậm Pồ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
Tổng cộng					2.840,0
I	Quản lý nhà nước	635	340	341	1.640,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				1.310,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				30,0
3	Kinh phí không thực hiện tự chủ				300,0
-	Quỹ thi đua khen thưởng				300,0
II	Sự nghiệp giáo dục				1.200,0
1	Kinh phí không thực hiện tự chủ				1.200,0
*	Quỹ thi đua khen thưởng				1.200,0
-	Giáo dục mầm non	635	070	071	400,0
-	Giáo dục Tiểu học			072	400,0
-	Giáo dục THCS			073	400,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp, các hoạt động mang tính đặc thù của đơn vị và các chế độ khác theo quy định hiện hành

- Kinh phí Quản lý nhà nước đã bao gồm: kinh phí bảo trì phần mềm kế toán, gia hạn phần mềm quản lý tài sản.

- Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/12 tháng)

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Thanh tra huyện Nậm Pồ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
I	Quản lý nhà nước	637	340	341	812,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				807,0
	Trong đó: - Kp mua trang phục thanh tra				40,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				5,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp, các hoạt động mang tính đặc thù của đơn vị và các chế độ khác theo quy định hiện hành

- Kinh phí Quản lý nhà nước đã bao gồm: kinh phí bảo trì phần mềm kế toán, gia hạn phần mềm quản lý tài sản.

- Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/12 tháng)

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Phòng Dân tộc huyện Nậm Pồ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
Tổng cộng					779,0
I	Quản lý nhà nước	683	340	341	713,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				523,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				10,0
3	Kinh phí không thực hiện tự chủ				180,0
-	Đại hội Dân tộc thiểu số				180,0
II	Đảm bảo xã hội	683	370	398	66,0
1	Kinh phí thực hiện chính sách				66,0
-	Kinh phí thực hiện Quyết định 18 (Người có uy tín)				66,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp, các hoạt động mang tính đặc thù của đơn vị và các chế độ khác theo quy định hiện hành

- Kinh phí Quản lý nhà nước đã bao gồm: kinh phí bảo trì phần mềm kế toán, gia hạn phần mềm quản lý tài sản.

- Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/12 tháng)

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Công an huyện Nậm Pồ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
Tổng cộng		760	040	041	846,0
I	An ninh				800,0
1	Hỗ trợ công tác đảm bảo an ninh trật tự				800,0
II	Chi thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và các chương trình mục tiêu				46,0
1	Chương trình đảm bảo trật tự ATGT, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy				20,0
-	Phòng chống Tội phạm				20,0
2	Kinh phí thực hiện đảm bảo trật tự an toàn giao thông				26,0

Ghi chú: Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ theo Quý trình phòng Tài chính phê duyệt.

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Ban chỉ huy quân sự huyện Nậm Pồ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
I	Quốc phòng	760	010	011	3.878,0
1	Hỗ trợ chi các hoạt động quốc phòng				3878,0
	Trong đó:				
	- Diễn tập khu vực phòng thủ huyện Nậm Pồ				2000,0
	- Mua sắm tài sản thực hiện nhiệm vụ				678,0

Ghi chú: Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ theo Quý trình phòng Tài chính phê duyệt.



GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 3033/QĐ-UBND ngày 24 /12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Huyện uỷ huyện Nậm Pồ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
Tổng cộng					6.159,0
I	Quản lý nhà nước				6.059,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	709	340	351	5.979,0
	<i>Tr. Đó: Mua sắm tài sản tập trung</i>				<i>105,0</i>
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				80,0
II	Sự nghiệp y tế				100,0
1	Kinh phí không thực hiện tự chủ				100,0
-	Khám bảo vệ sức khoẻ lãnh đạo	709	130	139	100,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng; phụ cấp báo cáo viên, ban chấp hành; phụ cấp ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe ; Kinh phí phục vụ ban chỉ đạo 160; Kinh phí hỗ trợ công tác dân quân tự vệ và các khoản đóng góp, các hoạt động mang tính đặc thù của đơn vị và các chế độ khác theo quy định hiện hành

- Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/12 tháng)

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Khối đoàn thể huyện Nậm Pồ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
	Tổng cộng				4.140,0
I	Ủy ban mặt trận Tổ quốc huyện	710	340	361	1.464,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				1.239,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				25,0
3	Kinh phí không thực hiện tự chủ				200,0
-	Đại hội MTTQ huyện Nậm Pồ năm 2019				200,0
II	Huyện đoàn	711	340	361	894,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				759,0
	<i>Tr. Đó: Kinh phí Hội cựu thanh niên xung phong</i>				100,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				15,0
3	Kinh phí không thực hiện tự chủ				120,0
-	Đại hội Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam huyện Nậm Pồ lần thứ II, nhiệm kỳ 2019 - 2024				120,0
III	Hội Phụ nữ huyện	712	340	361	674,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				659,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				15,0
IV	Hội Nông dân huyện	713	340	361	691,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				676,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				15,0
V	Hội Cựu chiến binh	714	340	361	417,0
1	Kinh phí thực hiện tự chủ				402,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				15,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp; Kinh phí chi theo QĐ 19/QĐ-UBND ngày 21/8/2016 của UBND tỉnh Điện Biên, Kinh phí tuyên truyền của UBMTTQ huyện; Kinh phí quỹ hỗ trợ nông dân huyện; các hoạt động mang tính đặc thù của đơn vị và các chế độ khác theo quy định hiện hành

- Kinh phí Quản lý nhà nước đã bao gồm: kinh phí bảo trì phần mềm kế toán, gia hạn phần mềm quản lý tài sản.

- Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/12 tháng)

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Trạm Khuyến nông - Khuyến ngư huyện Nậm Pồ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
I	Các hoạt động kinh tế	612	280	281	2.071,0
1	Kinh phí thường xuyên				1.246,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				25,0
3	Kinh phí không thường xuyên				800,0
-	Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp				800,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp, các hoạt động mang tính đặc thù của đơn vị và các chế độ khác theo quy định hiện hành

- Kinh phí Quản lý nhà nước đã bao gồm: kinh phí bảo trì phần mềm kế toán, gia hạn phần mềm quản lý tài sản.

- Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/12 tháng)

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Văn phòng đăng kí quyền sử dụng đất huyện Nậm Pồ

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
I	Các hoạt động kinh tế	626	280	332	732,0
1	Kinh phí thường xuyên				727,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				5,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp, các hoạt động mang tính đặc thù của đơn vị và các chế độ khác theo quy định hiện hành

- Kinh phí Quản lý nhà nước đã bao gồm: kinh phí bảo trì phần mềm kế toán, gia hạn phần mềm quản lý tài sản.

- Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/12 tháng)

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Tổ chức phát triển quỹ đất huyện Nậm Pồ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
I	Các hoạt động kinh tế	799	280	332	533,0
1	Kinh phí thường xuyên				528,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				5,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp, các hoạt động mang tính đặc thù của đơn vị và các chế độ khác theo quy định hiện hành

- Kinh phí Quản lý nhà nước đã bao gồm: kinh phí bảo trì phần mềm kế toán, gia hạn phần mềm quản lý tài sản.

- Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/12 tháng)

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Trung tâm dạy nghề huyện Nậm Pồ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
I	Sự nghiệp đào tạo	622	070	098	924,0
1	Kinh phí thường xuyên				914,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				10,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp, các hoạt động mang tính đặc thù của đơn vị và các chế độ khác theo quy định hiện hành

- Kinh phí Quản lý nhà nước đã bao gồm: kinh phí bảo trì phần mềm kế toán, gia hạn phần mềm quản lý tài sản.

- Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/12 tháng)

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3633/QĐ-UBND ngày 24-12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Nậm Pồ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
I	Sự nghiệp đào tạo	799	070	083	706,0
1	Kinh phí thường xuyên				701,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				5,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp, Kinh phí mở lớp theo kế hoạch các hoạt động mang tính đặc thù của đơn vị và các chế độ khác theo quy định hiện hành

- Kinh phí Quản lý nhà nước đã bao gồm: kinh phí bảo trì phần mềm kế toán, gia hạn phần mềm quản lý tài sản.

- Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính phê duyệt (1/12 tháng)

GIAO DƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033 /QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện Nậm Pồ

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
I	Sự nghiệp Truyền thanh - Truyền hình	640	190	191	1.759,0
1	Kinh phí thường xuyên				1.534,0
2	Kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL				25,0
3	Kinh phí không thực hiện tự chủ				200,0
-	Kinh phí duy tu sửa chữa máy móc, trang thiết bị, hạ tầng phục vụ công tác truyền thanh - truyền hình				200,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp; Kinh phí hợp đồng cộng tác viên; tiền điện phục vụ các điểm loa công cộng, tiền điện các trạm phát sóng; Kinh phí bảo hộ lao động các hoạt động mang tính đặc thù của đơn vị và các chế độ khác theo quy định hiện hành

- Kinh phí Quản lý nhà nước đã bao gồm: kinh phí bảo trì phần mềm kế toán, gia hạn phần mềm quản lý tài sản, kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp phát triển KTXH.

- Yêu cầu các đơn vị lập phương án phân bổ trình phòng Tài chính thẩm tra (1/12 tháng)

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Tòa án nhân dân huyện Nậm Pồ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
I	An ninh - trật tự	760	040	041	40,0
1	Nguồn kinh phí không tự chủ				40,0
-	Hỗ trợ kinh phí xét xử lưu động				40,0



GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung, đơn vị thực hiện	Chương	Loại	Khoản	Số tiền
I	Quốc phòng	760	010	011	270,0
1	Hỗ trợ kinh phí thực hiện vận động quần chúng; đấu tranh phòng chống tội phạm; quản lý bảo vệ biên giới				200,0
-	Đồn biên phòng Si Pa Phìn				40,0
-	Đồn biên phòng Na Cô Sa				40,0
-	Đồn biên phòng Nậm Nhừ				40,0
-	Đồn biên phòng Nà Hỳ				40,0
-	Đồn biên phòng Nà Búng				40,0
2	Hỗ trợ đồn biên phòng Nà Hỳ - Kỷ niệm 60 năm ngày truyền thống Bộ đội Biên phòng (03/3/1959 - 03/3/2019) và 30 năm Ngày biên phòng toàn dân (03/3/1989 - 03/3/2019)				70,0
-	Đồn biên phòng Nà Hỳ				70,0



GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Pồ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
I	Quản lý nhà nước	760	400	406	200,0
1	Nguồn kinh phí không tự chủ				200,0
-	Hỗ trợ góp vốn cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách để Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Pồ thực hiện giải ngân cho vay các hộ nghèo và các đối tượng chính sách theo quy định				200,0

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: UBND xã Si Pa Phìn huyện Nậm Pồ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
I	Tổng thu ngân sách	5.736,0
1	Thu cân đối tại địa bàn	15,0
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.721,0
	- Bổ sung cân đối	5.721,0
	- Bổ sung có mục tiêu	
II	Tổng chi ngân sách	5.736,0
1	Chi thường xuyên	5.736,0
	<i>Trong đó:</i>	
	- Chi phụ cấp cán bộ thú y	59,0
	- Chi phụ cấp cán bộ khuyến nông	169,0
	- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	165,0
	Tr.đó: Mua sắm tập trung	100,0
	- Tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	60,0
	- Chi sự nghiệp đào tạo (Đã bao gồm hỗ trợ chi hoạt động của Trung tâm giáo dục cộng đồng)	30,0
	- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	110,0
	+ Hỗ trợ chi văn hóa thông tin	30,0
	+ Chi xây dựng đời sống văn hóa mới khu dân cư	80,0
	- Chi sự nghiệp thể dục thể thao	30,0
	- Quỹ thi đua khen thưởng	20,0
	- Dự phòng ngân sách	100,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp; hưu xã; phụ cấp cán bộ không chuyên trách; chi hoạt động người cao tuổi; đặc thù cấp ủy đảng, HĐND, UBND các tổ chức chính trị xã hội; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; công tác cải cách hành chính; kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ; kinh phí hoạt động của các tổ chức Đảng cơ sở; Đại hội theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị xã hội; Kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 20 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm CBCC 6 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán, quản lý tài sản 5 triệu đồng và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

- Mua sắm tài sản thực hiện mua sắm tập trung theo quy định hiện hành.
- Yêu cầu các xã phân bổ chi tiết các nội dung kinh tế trong phương án chi 1/12 tháng theo chương, loại, khoản trình phòng Tài chính thẩm tra phương án phân bổ.
- UBND xã tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng nguồn ngân sách được giao tại Quyết định này theo các quy định hiện hành.

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: UBND xã Phìn Hồ huyện Nậm Pồ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
I	Tổng thu ngân sách	4.763,0
1	Thu cân đối tại địa bàn	8,0
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.755,0
	- Bổ sung cân đối	4.755,0
	- Bổ sung có mục tiêu	
II	Tổng chi ngân sách	4.763,0
1	Chi thường xuyên	4.763,0
	<i>Trong đó:</i>	
	- Chi phụ cấp cán bộ thú y	62,0
	- Chi phụ cấp cán bộ khuyến nông	115,0
	- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	40,0
	Tr.đó: Mua sắm tập trung	30,0
	- Tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	60,0
	- Chi sự nghiệp đào tạo (Đã bao gồm hỗ trợ chi hoạt động của Trung tâm giáo dục cộng đồng)	30,0
	- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	70,0
	+ Hỗ trợ chi văn hóa thông tin	30,0
	+ Chi xây dựng đời sống văn hóa mới khu dân cư	40,0
	- Chi sự nghiệp thể dục thể thao	30,0
	- Quỹ thi đua khen thưởng	20,0
	- Dự phòng ngân sách	100,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp; hưu xã; phụ cấp cán bộ không chuyên trách; chi hoạt động người cao tuổi; đặc thù cấp ủy đảng, HĐND, UBND các tổ chức chính trị xã hội; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; công tác cải cách hành chính; kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ; kinh phí hoạt động của các tổ chức Đảng cơ sở; Đại hội theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị xã hội; Kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 20 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm CBCC 6 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán, quản lý tài sản 5 triệu đồng và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

- Mua sắm tài sản thực hiện mua sắm tập trung theo quy định hiện hành.
- Yêu cầu các xã phân bổ chi tiết các nội dung kinh tế trong phương án chi 1/12 tháng theo chương, loại, khoản trình phòng Tài chính thẩm tra phương án phân bổ.
- UBND xã tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng nguồn ngân sách được giao tại Quyết định này theo các quy định hiện hành.

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 3033 /QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: UBND xã Chà Nưa huyện Nậm Pồ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
I	Tổng thu ngân sách	5.186,0
1	Thu cân đối tại địa bàn	9,0
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.177,0
	- Bổ sung cân đối	5.177,0
	- Bổ sung có mục tiêu	
II	Tổng chi ngân sách	5.186,0
1	Chi thường xuyên	5.186,0
	<i>Trong đó:</i>	
	- Chi phụ cấp cán bộ thú y	43,0
	- Chi phụ cấp cán bộ khuyến nông	62,0
	- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	245,2
	Tr.đó: Mua sắm tập trung	125,0
	- Tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	60,0
	- Chi sự nghiệp đào tạo (Đã bao gồm hỗ trợ chi hoạt động của Trung tâm giáo dục cộng đồng)	30,0
	- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	75,0
	+ Hỗ trợ chi văn hóa thông tin	30,0
	+ Chi xây dựng đời sống văn hóa mới khu dân cư	45,0
	- Chi sự nghiệp thể dục thể thao	30,0
	- Quỹ thi đua khen thưởng	20,0
	- Dự phòng ngân sách	100,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp; hưu xã; phụ cấp cán bộ không chuyên trách; chi hoạt động người cao tuổi; đặc thù cấp ủy đảng, HĐND, UBND các tổ chức chính trị xã hội; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; công tác cải cách hành chính; kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ; kinh phí hoạt động của các tổ chức Đảng cơ sở; Đại hội theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị xã hội; Kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 20 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm CBCC 6 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán, quản lý tài sản 5 triệu đồng và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

- Mua sắm tài sản thực hiện mua sắm tập trung theo quy định hiện hành.
- Yêu cầu các xã phân bổ chi tiết các nội dung kinh tế trong phương án chi 1/12 tháng theo chương, loại, khoản trình phòng Tài chính thẩm tra phương án phân bổ.
- UBND xã tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng nguồn ngân sách được giao tại Quyết định này theo các quy định hiện hành.

GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: UBND xã Chà Tở huyện Nậm Pồ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
I	Tổng thu ngân sách	4.560,0
1	Thu cân đối tại địa bàn	7,0
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.553,0
	- Bổ sung cân đối	4.553,0
	- Bổ sung có mục tiêu	
II	Tổng chi ngân sách	4.560,0
1	Chi thường xuyên	4.560,0
	<i>Trong đó:</i>	
	- Chi phụ cấp cán bộ thú y	62,0
	- Chi phụ cấp cán bộ khuyến nông	109,0
	- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	290,7
	Tr.đó: Mua sắm tập trung	185,0
	- Tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	60,0
	- Chi sự nghiệp đào tạo (Đã bao gồm hỗ trợ chi hoạt động của Trung tâm giáo dục cộng đồng)	30,0
	- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	80,0
	+ Hỗ trợ chi văn hóa thông tin	30,0
	+ Chi xây dựng đời sống văn hóa mới khu dân cư	50,0
	- Chi sự nghiệp thể dục thể thao	30,0
	- Quỹ thi đua khen thưởng	20,0
	- Dự phòng ngân sách	100,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp; hưu xã; phụ cấp cán bộ không chuyên trách; chi hoạt động người cao tuổi; đặc thù cấp ủy đảng, HĐND, UBND các tổ chức chính trị xã hội; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; công tác cải cách hành chính; kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ; kinh phí hoạt động của các tổ chức Đảng cơ sở; Đại hội theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị xã hội; Kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 20 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm CBCC 6 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán, quản lý tài sản 5 triệu đồng và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

- Mua sắm tài sản thực hiện mua sắm tập trung theo quy định hiện hành.
- Yêu cầu các xã phân bổ chi tiết các nội dung kinh tế trong phương án chi 1/12 tháng theo chương, loại, khoản trình phòng Tài chính thẩm tra phương án phân bổ.
- UBND xã tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng nguồn ngân sách được giao tại Quyết định này theo các quy định hiện hành.

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 3023/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: UBND xã Nậm Khăn huyện Nậm Pồ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
I	Tổng thu ngân sách	4.120,0
1	Thu cân đối tại địa bàn	6,0
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.114,0
	- Bổ sung cân đối	4.114,0
	- Bổ sung có mục tiêu	
II	Tổng chi ngân sách	4.120,0
1	Chi thường xuyên	4.120,0
	<i>Trong đó:</i>	
	- Chi phụ cấp cán bộ thú y	62,0
	- Chi phụ cấp cán bộ khuyến nông	62,0
	- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	120,0
	Tr.đó: Mua sắm tập trung	95,0
	- Tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	60,0
	- Chi sự nghiệp đào tạo (Đã bao gồm hỗ trợ chi hoạt động của Trung tâm giáo dục cộng đồng)	30,0
	- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	65,0
	+ Hỗ trợ chi văn hóa thông tin	30,0
	+ Chi xây dựng đời sống văn hóa mới khu dân cư	35,0
	- Chi sự nghiệp thể dục thể thao	30,0
	- Quỹ thi đua khen thưởng	20,0
	- Dự phòng ngân sách	100,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp; hưu xã; phụ cấp cán bộ không chuyên trách; chi hoạt động người cao tuổi; đặc thù cấp ủy đảng, HĐND, UBND các tổ chức chính trị xã hội; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; công tác cải cách hành chính; kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ; kinh phí hoạt động của các tổ chức Đảng cơ sở; Đại hội theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị xã hội; Kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 20 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm CBCS 6 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán, quản lý tài sản 5 triệu đồng và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

- Mua sắm tài sản thực hiện mua sắm tập trung theo quy định hiện hành.
- Yêu cầu các xã phân bổ chi tiết các nội dung kinh tế trong phương án chi 1/12 tháng theo chương, loại, khoản trình phòng Tài chính thẩm tra phương án phân bổ.
- UBND xã tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng nguồn ngân sách được giao tại Quyết định này theo các quy định hiện hành.

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 3033 /QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: UBND xã Chà Cang huyện Nậm Pồ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
I	Tổng thu ngân sách	4.063,0
1	Thu cân đối tại địa bàn	30,0
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.033,0
	- Bổ sung cân đối	4.033,0
	- Bổ sung có mục tiêu	
II	Tổng chi ngân sách	4.063,0
1	Chi thường xuyên	4.063,0
	<i>Trong đó:</i>	
	- Chi phụ cấp cán bộ thú y	12,0
	- Chi phụ cấp cán bộ khuyến nông	33,0
	- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	361,15
	Tr.đó: Mua sắm tập trung	200,0
	- Tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	60,0
	- Chi sự nghiệp đào tạo (Đã bao gồm hỗ trợ chi hoạt động của Trung tâm giáo dục cộng đồng)	30,0
	- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	60,0
	+ Hỗ trợ chi văn hóa thông tin	30,0
	+ Chi xây dựng đời sống văn hóa mới khu dân cư	30,0
	- Chi sự nghiệp thể dục thể thao	30,0
	- Quỹ thi đua khen thưởng	20,0
	- Dự phòng ngân sách	100,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp; hưu xã; phụ cấp cán bộ không chuyên trách; chi hoạt động người cao tuổi; đặc thù cấp ủy đảng, HĐND, UBND các tổ chức chính trị xã hội; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; công tác cải cách hành chính; kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ; kinh phí hoạt động của các tổ chức Đảng cơ sở; Đại hội theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị xã hội; Kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 20 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm CBCC 6 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán, quản lý tài sản 5 triệu đồng và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

- Mua sắm tài sản thực hiện mua sắm tập trung theo quy định hiện hành.
- Yêu cầu các xã phân bổ chi tiết các nội dung kinh tế trong phương án chi 1/12 tháng theo chương, loại, khoản trình phòng Tài chính thẩm tra phương án phân bổ.
- UBND xã tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng nguồn ngân sách được giao tại Quyết định này theo các quy định hiện hành.

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: UBND xã Nậm Tin huyện Nậm Pồ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
I	Tổng thu ngân sách	4.009,0
1	Thu cân đối tại địa bàn	9,0
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.000,0
	- Bổ sung cân đối	4.000,0
	- Bổ sung có mục tiêu	
II	Tổng chi ngân sách	4.009,0
1	Chi thường xuyên	4.009,0
	<i>Trong đó:</i>	
	- Chi phụ cấp cán bộ thú y	51,0
	- Chi phụ cấp cán bộ khuyến nông	122,0
	- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	184,7
	Tr.đó: Mua sắm tập trung	60,0
	- Tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	60,0
	- Chi sự nghiệp đào tạo (Đã bao gồm hỗ trợ chi hoạt động của Trung tâm giáo dục cộng đồng)	30,0
	- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	75,0
	+ Hỗ trợ chi văn hóa thông tin	30,0
	+ Chi xây dựng đời sống văn hóa mới khu dân cư	45,0
	- Chi sự nghiệp thể dục thể thao	30,0
	- Quỹ thi đua khen thưởng	20,0
	- Dự phòng ngân sách	100,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp; hưu xã; phụ cấp cán bộ không chuyên trách; chi hoạt động người cao tuổi; đặc thù cấp ủy đảng, HĐND, UBND các tổ chức chính trị xã hội; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; công tác cải cách hành chính; kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ; kinh phí hoạt động của các tổ chức Đảng cơ sở; Đại hội theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị xã hội; Kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 20 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm CBCC 6 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán, quản lý tài sản 5 triệu đồng và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

- Mua sắm tài sản thực hiện mua sắm tập trung theo quy định hiện hành.

- Yêu cầu các xã phân bổ chi tiết các nội dung kinh tế trong phương án chi 1/12 tháng theo chương, loại, khoản trình phòng Tài chính thẩm tra phương án phân bổ.

- UBND xã tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng nguồn ngân sách được giao tại Quyết định này theo các quy định hiện hành.

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: UBND xã Pa Tần huyện Nậm Pồ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
I	Tổng thu ngân sách	4.493,0
1	Thu cân đối tại địa bàn	9,0
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.484,0
	- Bổ sung cân đối	4.484,0
	- Bổ sung có mục tiêu	
II	Tổng chi ngân sách	4.493,0
1	Chi thường xuyên	4.493,0
	<i>Trong đó:</i>	
	- Chi phụ cấp cán bộ thú y	43,0
	- Chi phụ cấp cán bộ khuyến nông	123,0
	- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	428,8
	Tr.đó: Mua sắm tập trung	200,0
	- Tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	60,0
	- Chi sự nghiệp đào tạo (Đã bao gồm hỗ trợ chi hoạt động của Trung tâm giáo dục cộng đồng)	30,0
	- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	75,0
	+ Hỗ trợ chi văn hóa thông tin	30,0
	+ Chi xây dựng đời sống văn hóa mới khu dân cư	45,0
	- Chi sự nghiệp thể dục thể thao	30,0
	- Quỹ thi đua khen thưởng	20,0
	- Dự phòng ngân sách	100,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp; hưu xã; phụ cấp cán bộ không chuyên trách; chi hoạt động người cao tuổi; đặc thù cấp ủy đảng, HĐND, UBND các tổ chức chính trị xã hội; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; công tác cải cách hành chính; kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ; kinh phí hoạt động của các tổ chức Đảng cơ sở; Đại hội theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị xã hội; Kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 20 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm CBCC 6 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán, quản lý tài sản 5 triệu đồng và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

- Mua sắm tài sản thực hiện mua sắm tập trung theo quy định hiện hành.

- Yêu cầu các xã phân bổ chi tiết các nội dung kinh tế trong phương án chi 1/12 tháng theo chương, loại, khoản trình phòng Tài chính thẩm tra phương án phân bổ.

- UBND xã tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng nguồn ngân sách được giao tại Quyết định này theo các quy định hiện hành.

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: UBND xã Na Cô Sa huyện Nậm Pồ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
I	Tổng thu ngân sách	4.748,0
1	Thu cân đối tại địa bàn	7,0
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.741,0
	- Bổ sung cân đối	4.741,0
	- Bổ sung có mục tiêu	
II	Tổng chi ngân sách	4.748,0
1	Chi thường xuyên	4.748,0
	<i>Trong đó:</i>	
	- Chi phụ cấp cán bộ thú y	43,0
	- Chi phụ cấp cán bộ khuyến nông	116,0
	- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	60,0
	Tr.đó: Mua sắm tập trung	60,0
	- Tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	60,0
	- Chi sự nghiệp đào tạo (Đã bao gồm hỗ trợ chi hoạt động của Trung tâm giáo dục cộng đồng)	30,0
	- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	85,0
	+ Hỗ trợ chi văn hóa thông tin	30,0
	+ Chi xây dựng đời sống văn hóa mới khu dân cư	55,0
	- Chi sự nghiệp thể dục thể thao	30,0
	- Quỹ thi đua khen thưởng	20,0
	- Dự phòng ngân sách	100,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp; hưu xã; phụ cấp cán bộ không chuyên trách; chi hoạt động người cao tuổi; đặc thù cấp ủy đảng, HĐND, UBND các tổ chức chính trị xã hội; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; công tác cải cách hành chính; kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ; kinh phí hoạt động của các tổ chức Đảng cơ sở; Đại hội theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị xã hội; Kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 20 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm CBCC 6 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán, quản lý tài sản 5 triệu đồng và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

- Mua sắm tài sản thực hiện mua sắm tập trung theo quy định hiện hành.
- Yêu cầu các xã phân bổ chi tiết các nội dung kinh tế trong phương án chi 1/12 tháng theo chương, loại, khoản trình phòng Tài chính thẩm tra phương án phân bổ.
- UBND xã tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng nguồn ngân sách được giao tại Quyết định này theo các quy định hiện hành.

GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 3033 /QĐ-UBND ngày 24 /12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: UBND xã Nậm Nhừ huyện Nậm Pồ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
I	Tổng thu ngân sách	4.372,0
1	Thu cân đối tại địa bàn	6,0
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.366,0
	- Bổ sung cân đối	4.366,0
	- Bổ sung có mục tiêu	
II	Tổng chi ngân sách	4.372,0
1	Chi thường xuyên	4.372,0
	<i>Trong đó:</i>	
	- Chi phụ cấp cán bộ thú y	59,0
	- Chi phụ cấp cán bộ khuyến nông	114,0
	- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	228,25
	Tr.đó: Mua sắm tập trung	145,0
	- Tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	60,0
	- Chi sự nghiệp đào tạo (Đã bao gồm hỗ trợ chi hoạt động của Trung tâm giáo dục cộng đồng)	30,0
	- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	60,0
	+ Hỗ trợ chi văn hóa thông tin	30,0
	+ Chi xây dựng đời sống văn hóa mới khu dân cư	30,0
	- Chi sự nghiệp thể dục thể thao	30,0
	- Quỹ thi đua khen thưởng	20,0
	- Dự phòng ngân sách	100,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp; hưu xã; phụ cấp cán bộ không chuyên trách; chi hoạt động người cao tuổi; đặc thù cấp ủy đảng, HĐND, UBND các tổ chức chính trị xã hội; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; công tác cải cách hành chính; kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ; kinh phí hoạt động của các tổ chức Đảng cơ sở; Đại hội theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị xã hội; Kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 20 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm CBCC 6 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán, quản lý tài sản 5 triệu đồng và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

- Mua sắm tài sản thực hiện mua sắm tập trung theo quy định hiện hành.
- Yêu cầu các xã phân bổ chi tiết các nội dung kinh tế trong phương án chi 1/12 tháng theo chương, loại, khoản trình phòng Tài chính thẩm tra phương án phân bổ.
- UBND xã tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng nguồn ngân sách được giao tại Quyết định này theo các quy định hiện hành.

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 3023 ~~3023~~ ³⁰²³ QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: UBND xã Nà Khoa huyện Nậm Pồ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
I	Tổng thu ngân sách	3.826,0
1	Thu cân đối tại địa bàn	7,0
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.819,0
	- Bổ sung cân đối	3.819,0
	- Bổ sung có mục tiêu	
II	Tổng chi ngân sách	3.826,0
1	Chi thường xuyên	3.826,0
	<i>Trong đó:</i>	
	- Chi phụ cấp cán bộ thú y	31,0
	- Chi phụ cấp cán bộ khuyến nông	96,0
	- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	410,5
	Tr.đó: Mua sắm tập trung	235,0
	- Tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	60,0
	- Chi sự nghiệp đào tạo (Đã bao gồm hỗ trợ chi hoạt động của Trung tâm giáo dục cộng đồng)	30,0
	- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	70,0
	+ Hỗ trợ chi văn hóa thông tin	30,0
	+ Chi xây dựng đời sống văn hóa mới khu dân cư	40,0
	- Chi sự nghiệp thể dục thể thao	30,0
	- Quỹ thi đua khen thưởng	20,0
	- Dự phòng ngân sách	100,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp; hưu xã; phụ cấp cán bộ không chuyên trách; chi hoạt động người cao tuổi; đặc thù cấp ủy đảng, HĐND, UBND các tổ chức chính trị xã hội; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; công tác cải cách hành chính; kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ; kinh phí hoạt động của các tổ chức Đảng cơ sở; Đại hội theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị xã hội; Kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 20 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm CBCC 6 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán, quản lý tài sản 5 triệu đồng và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

- Mua sắm tài sản thực hiện mua sắm tập trung theo quy định hiện hành.

- Yêu cầu các xã phân bổ chi tiết các nội dung kinh tế trong phương án chi 1/12 tháng theo chương, loại, khoản trình phòng Tài chính thẩm tra phương án phân bổ.

- UBND xã tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng nguồn ngân sách được giao tại Quyết định này theo các quy định hiện hành.

GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 3033 /QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: UBND xã Nậm Chua huyện Nậm Pồ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
I	Tổng thu ngân sách	4.276,0
1	Thu cân đối tại địa bàn	6,0
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.270,0
	- Bổ sung cân đối	4.270,0
	- Bổ sung có mục tiêu	
II	Tổng chi ngân sách	4.276,0
1	Chi thường xuyên	4.276,0
	<i>Trong đó:</i>	
	- Chi phụ cấp cán bộ thú y	55,0
	- Chi phụ cấp cán bộ khuyến nông	86,0
	- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	305,75
	Tr.đó: Mua sắm tập trung	135,0
	- Tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	60,0
	- Chi sự nghiệp đào tạo (Đã bao gồm hỗ trợ chi hoạt động của Trung tâm giáo dục cộng đồng)	30,0
	- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	65,0
	+ Hỗ trợ chi văn hóa thông tin	30,0
	+ Chi xây dựng đời sống văn hóa mới khu dân cư	35,0
	- Chi sự nghiệp thể dục thể thao	30,0
	- Quỹ thi đua khen thưởng	20,0
	- Dự phòng ngân sách	100,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp; hưu xã; phụ cấp cán bộ không chuyên trách; chi hoạt động người cao tuổi; đặc thù cấp ủy đảng, HĐND, UBND các tổ chức chính trị xã hội; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; công tác cải cách hành chính; kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ; kinh phí hoạt động của các tổ chức Đảng cơ sở; Đại hội theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị xã hội; Kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 20 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm CBCC 6 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán, quản lý tài sản 5 triệu đồng và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

- Mua sắm tài sản thực hiện mua sắm tập trung theo quy định hiện hành.

- Yêu cầu các xã phân bổ chi tiết các nội dung kinh tế trong phương án chi 1/12 tháng theo chương, loại, khoản trình phòng Tài chính thẩm tra phương án phân bổ.

- UBND xã tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng nguồn ngân sách được giao tại Quyết định này theo các quy định hiện hành.

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: UBND xã Nà Hỳ huyện Nậm Pồ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
I	Tổng thu ngân sách	4.958,0
1	Thu cân đối tại địa bàn	30,0
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.928,0
	- Bổ sung cân đối	4.928,0
	- Bổ sung có mục tiêu	
II	Tổng chi ngân sách	4.958,0
1	Chi thường xuyên	4.958,0
	<i>Trong đó:</i>	
	- Chi phụ cấp cán bộ thú y	43,0
	- Chi phụ cấp cán bộ khuyến nông	102,0
	- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	416,0
	Tr.đó: Mua sắm tập trung	195,0
	- Tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	60,0
	- Chi sự nghiệp đào tạo (Đã bao gồm hỗ trợ chi hoạt động của Trung tâm giáo dục cộng đồng)	30,0
	- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	80,0
	+ Hỗ trợ chi văn hóa thông tin	30,0
	+ Chi xây dựng đời sống văn hóa mới khu dân cư	50,0
	- Chi sự nghiệp thể dục thể thao	30,0
	- Quỹ thi đua khen thưởng	20,0
	- Dự phòng ngân sách	100,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp; hưu xã; phụ cấp cán bộ không chuyên trách; chi hoạt động người cao tuổi; đặc thù cấp ủy đảng, HĐND, UBND các tổ chức chính trị xã hội; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; công tác cải cách hành chính; kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ; kinh phí hoạt động của các tổ chức Đảng cơ sở; Đại hội theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị xã hội; Kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 20 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm CBCC 6 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán, quản lý tài sản 5 triệu đồng và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

- Mua sắm tài sản thực hiện mua sắm tập trung theo quy định hiện hành.
- Yêu cầu các xã phân bổ chi tiết các nội dung kinh tế trong phương án chi 1/12 tháng theo chương, loại, khoản trình phòng Tài chính thẩm tra phương án phân bổ.
- UBND xã tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng nguồn ngân sách được giao tại Quyết định này theo các quy định hiện hành.

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24 /12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: UBND xã Vàng Đán huyện Nậm Pồ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
I	Tổng thu ngân sách	5.135,0
1	Thu cân đối tại địa bàn	6,0
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.129,0
	- Bổ sung cân đối	5.129,0
	- Bổ sung có mục tiêu	
II	Tổng chi ngân sách	5.135,0
1	Chi thường xuyên	5.135,0
	<i>Trong đó:</i>	
	- Chi phụ cấp cán bộ thú y	62,0
	- Chi phụ cấp cán bộ khuyến nông	109,0
	- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	497,3
	Tr.đó: Mua sắm tập trung	236,75
	- Tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	60,0
	- Chi sự nghiệp đào tạo (Đã bao gồm hỗ trợ chi hoạt động của Trung tâm giáo dục cộng đồng)	30,0
	- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	65,0
	+ Hỗ trợ chi văn hóa thông tin	30,0
	+ Chi xây dựng đời sống văn hóa mới khu dân cư	35,0
	- Chi sự nghiệp thể dục thể thao	30,0
	- Quỹ thi đua khen thưởng	20,0
	- Dự phòng ngân sách	100,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp; hưu xã; phụ cấp cán bộ không chuyên trách; chi hoạt động người cao tuổi; đặc thù cấp ủy đảng, HĐND, UBND các tổ chức chính trị xã hội; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; công tác cải cách hành chính; kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ; kinh phí hoạt động của các tổ chức Đảng cơ sở; Đại hội theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị xã hội; Kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 20 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm CBCC 6 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán, quản lý tài sản 5 triệu đồng và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

- Mua sắm tài sản thực hiện mua sắm tập trung theo quy định hiện hành.

- Yêu cầu các xã phân bổ chi tiết các nội dung kinh tế trong phương án chi 1/12 tháng theo chương, loại, khoản trình phòng Tài chính thẩm tra phương án phân bổ.

- UBND xã tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng nguồn ngân sách được giao tại Quyết định này theo các quy định hiện hành.

GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 3033/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

Tên đơn vị: UBND xã Nà Búng huyện Nậm Pồ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
I	Tổng thu ngân sách	5.228,0
1	Thu cân đối tại địa bàn	8,0
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.220,0
	- Bổ sung cân đối	5.220,0
	- Bổ sung có mục tiêu	
II	Tổng chi ngân sách	5.228,0
1	Chi thường xuyên	5.228,0
	<i>Trong đó:</i>	
	- Chi phụ cấp cán bộ thú y	43,0
	- Chi phụ cấp cán bộ khuyến nông	115,0
	- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	326,25
	Tr.đó: Mua sắm tập trung	260,0
	- Tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	60,0
	- Chi sự nghiệp đào tạo (Đã bao gồm hỗ trợ chi hoạt động của Trung tâm giáo dục cộng đồng)	30,0
	- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	75,0
	+ Hỗ trợ chi văn hóa thông tin	30,0
	+ Chi xây dựng đời sống văn hóa mới khu dân cư	45,0
	- Chi sự nghiệp thể dục thể thao	30,0
	- Quỹ thi đua khen thưởng	20,0
	- Dự phòng ngân sách	100,0

* Ghi chú: - Các lĩnh vực chi đã bao gồm: tiền lương mức lương tối thiểu 1,39 triệu đồng và các khoản đóng góp; hưu xã; phụ cấp cán bộ không chuyên trách; chi hoạt động người cao tuổi; đặc thù cấp ủy đảng, HĐND, UBND các tổ chức chính trị xã hội; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; công tác cải cách hành chính; kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ; kinh phí hoạt động của các tổ chức Đảng cơ sở; Đại hội theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị xã hội; Kinh phí mua sắm phần mềm chuyên ngành quản lý tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 20 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm CBCC 6 triệu đồng; Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán, quản lý tài sản 5 triệu đồng và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

- Mua sắm tài sản thực hiện mua sắm tập trung theo quy định hiện hành.
- Yêu cầu các xã phân bổ chi tiết các nội dung kinh tế trong phương án chi 1/12 tháng theo chương, loại, khoản trình phòng Tài chính thẩm tra phương án phân bổ.
- UBND xã tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng nguồn ngân sách được giao tại Quyết định này theo các quy định hiện hành.